

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 11 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,272.55 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản, Hàng cá nhân & gia dụng. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí giảm mạnh nhất hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Phiên tăng điểm hôm nay có thanh khoản khá tốt, thị trường có thể tiếp tục tiến lên vùng kháng cự 1,280 -1,285 trong ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 20/08/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.93** điểm, đóng cửa tại **1272.55** điểm. HNX-Index **+1.30** điểm, đóng cửa tại **237.31** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.75)**, **BID (+1.76)**, **VHM (+0.86)**, **CTG (+0.72)**, **HVN (+0.59)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-0.28)**, **VNM (-0.20)**, **LPB (-0.18)**, **PGV (-0.14)**, **HDB (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,927** tỷ đồng, tăng **23.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,984 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.3 điểm. Thị trường có **264** mã tăng, 80 mã tham chiếu, **136** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **326.07** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (158.11 tỷ)**, **FPT (128.11 tỷ)**, **MWG (98.27 tỷ)**, **DPM (85.96 tỷ)**, **NVL (50.95 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-6.73** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.74%**. Các mã diễn biến tích cực: **PNJ (+2.96%)**, **BID (+2.61%)**, **NLG (+2.27%)**.
- BSC50 **+1.12%**. Các mã diễn biến tích cực: **CEO (+7.74%)**, **DXG (+6.85%)**, **PDR (+6.79%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.74%	1.12%	0.87%	0.48%
1 tuần	2.95%	3.30%	2.54%	2.39%
1 tháng	1.65%	3.51%	1.66%	1.27%
3 tháng	-3.91%	-9.44%	-4.90%	-2.43%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,272.55	237.31	94.10
% 1D	0.87%	0.55%	0.41%
GTGD (tỷ VND)	17,927	1,308	818
%1D	23.85%	18.49%	4.25%
GDNN (tỷ VND)	326.07	-6.73	-7.10

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	158.11	VHM	-180.38
FPT	128.11	GAS	-41.80
MWG	98.27	HDB	-35.67
DPM	85.96	TCB	-34.25
NVL	50.95	HSG	-29.30

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,608	0.97%	4.94%
FTSE100	8,315	-0.51%	0.96%
Eurostoxx	4,884	0.20%	4.14%
Shanghai	2,867	-0.93%	-0.04%
Nikkei	38,102	1.98%	5.24%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

Giá dầu Brent	79.68	0.94%
Giá vàng	2,508	2.06%

Tỷ giá

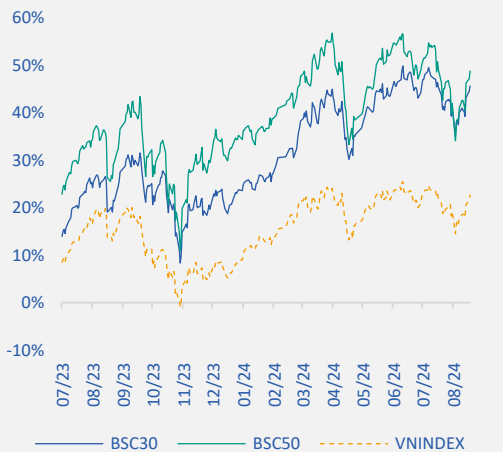
USD/VND	25,080	-0.32%
EUR/VND	28,375	0.06%
JPY/VND	174	-1.14%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	0.0%	-2.77%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



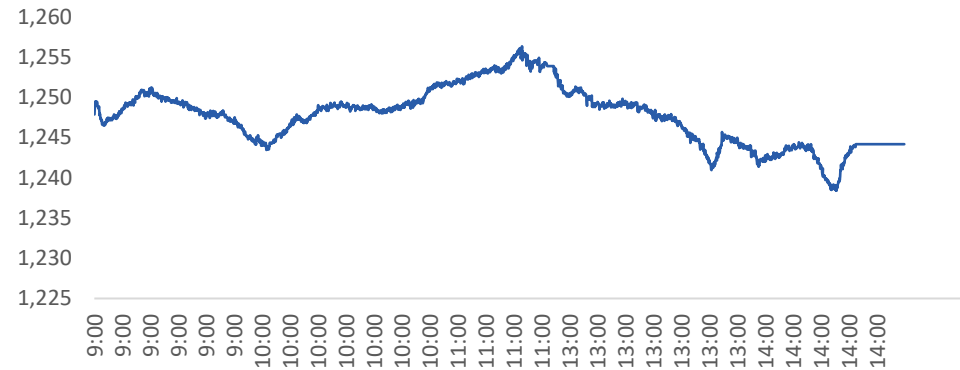
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1302.00	0.31%	198896	2.83%	9/19/2024	30
VN30F2412	1304.00	0.45%	92	-17.1%	12/19/2024	121
VN30F2503	1304.60	0.44%	19	18.75%	3/20/2025	212
VN30F2410	1302.70	0.32%	272	-7.17%	10/17/2024	58

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +6.21 điểm, đóng cửa tại 1305.25 điểm. Biên độ dao động 10.37 điểm. Các cổ phiếu như VCB, VHM, FPT, VPB, VIC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa. Nhóm cổ phiếu blue-chips vẫn đang là các mã giữ nhịp, ổn định chỉ số. Nếu tín hiệu mua được duy trì và chỉ số vượt thành công vùng kháng cự 1,285-1,295 thì kịch bản tăng ngắn hạn có thể quay trở lại trong các phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2410. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2316	9/23/2024	34	4,700	27.47%	28.89	1,000	5.3%	0.06	32.89	25.80	25.80
CMWG2402	12/6/2024	108	95,700	-75.30%	6.35	2,180	4.8%	12.75	17.16	69.50	69.50
CMBB2318	9/23/2024	34	359,900	-64.98%	1.76	1,720	4.2%	5.75	8.49	24.25	24.25
CMBB2315	1/9/2025	142	1,822,200	-67.40%	1.96	1,520	4.1%	5.71	7.91	24.25	24.25
CACB2304	9/25/2024	36	98,300	-70.96%	1.93	2,010	3.6%	8.80	7.00	24.10	24.10
CFPT2314	1/9/2025	142	234,400	-49.43%	10.00	5,650	2.7%	12.17	66.50	131.50	131.50
CMWG2403	3/6/2025	198	21,100	-73.38%	6.45	2,430	2.5%	12.74	18.50	69.50	69.50
CMWG2314	1/9/2025	142	748,100	-62.88%	5.20	2,060	2.5%	6.44	25.80	69.50	69.50
CFPT2317	11/21/2024	93	110,600	-52.85%	10.10	3,460	2.4%	8.10	62.00	131.50	131.50
CMWG2316	8/23/2024	3	26,900	0.23%	48.00	3,610	2.0%	3.59	69.66	69.50	69.50
CTCB2309	9/25/2024	36	76,100	-39.46%	3.39	3,380	1.8%	6.35	13.23	21.85	21.85
CACB2305	10/9/2024	50	395,900	-73.44%	2.02	870	1.2%	4.38	6.40	24.10	24.10
CSTB2334	8/23/2024	3	99,100	0.37%	27.00	920	1.1%	0.89	29.76	29.65	29.65
CMWG2401	5/21/2025	274	233,200	-74.02%	6.55	2,900	0.7%	15.92	18.06	69.50	69.50
CVIB2306	8/23/2024	3	6,700	-67.09%	1.61	2,880	0.0%	10.49	7.04	21.40	21.40
CSHB2306	1/6/2025	139	400	-71.48%	1.28	880	0.0%	4.70	3.04	10.65	10.65
CTCB2310	10/9/2024	50	400,600	-37.24%	3.39	1,330	-0.7%	2.38	13.71	21.85	21.85
CHPG2342	11/21/2024	93	19,800	-66.18%	2.18	720	-1.4%	2.60	8.73	25.80	25.80
CHPG2334	1/9/2025	142	196,800	-74.67%	2.68	530	-1.9%	3.19	6.54	25.80	25.80
CVNM2401	5/21/2025	274	841,000	-70.42%	6.60	1,970	-3.0%	8.65	22.36	75.60	75.60

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 20/08/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2404 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 33.33%. CMBB2315 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.40%.
- CHPG2316, CSTB2334, CMWG2316, CTCB2310, và CTCB2309 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVNM2404, CVNM2315, CVNM2403, CMWG2401, và CMWG2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VCB	90.80	2.25%	1.24
VHM	39.40	2.07%	1.05
FPT	131.50	0.77%	0.98
VPB	18.60	0.81%	0.71
VIC	41.70	1.34%	0.63

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HDB	26.80	-0.74%	-0.43
VNM	75.60	-0.53%	-0.33
TCB	21.85	-0.23%	-0.23
HPG	25.80	-0.19%	-0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	90.80	2.25%	2.75	5.59
BID	49.15	2.61%	1.76	5.70
VHM	39.40	2.07%	0.86	4.35
CTG	33.20	1.68%	0.72	5.37
HVN	22.15	4.98%	0.59	2.21

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	16.80	8.39%	0.52	0.51
MBS	28.00	1.82%	0.16	0.44
SHS	16.10	1.26%	0.12	0.81
TIG	13.80	2.22%	0.04	0.19
VC7	9.50	5.56%	0.04	0.10

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

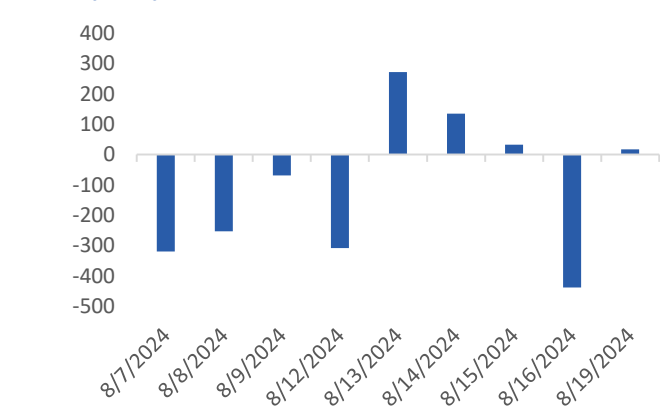
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PLX	49.45	-1.88%	-0.28	1.27
VNM	75.60	-0.53%	-0.20	2.09
LPB	31.20	-0.95%	-0.18	2.56
PGV	21.50	-2.49%	-0.14	1.12
HDB	26.80	-0.74%	-0.14	2.91

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	17.30	-1.14%	-0.13	0.89
NTP	69.70	-1.69%	-0.11	0.13
DNP	19.80	-5.71%	-0.10	0.12
PGS	32.90	-6.00%	-0.07	0.05
DHT	68.50	-1.15%	-0.05	0.08

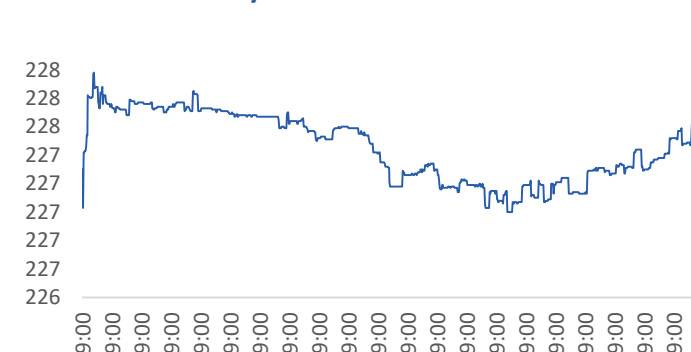
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

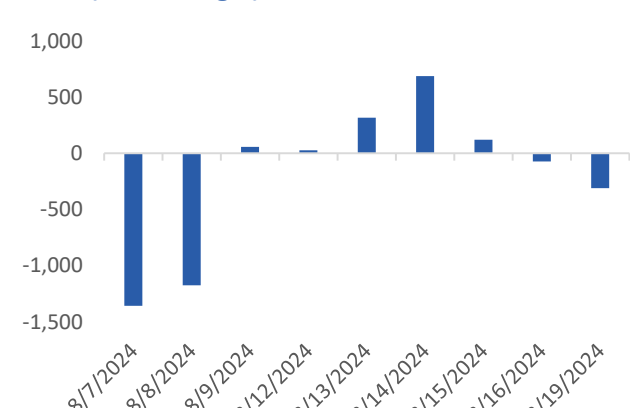
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	90.8	2.30%	0.6	20,259	12.3	5,962	15.2	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	49.2	2.60%	1.1	11,185	8.6	4,006	12.3	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	0.80%	1.0	5,891	13.5	1,460	12.7	-	26.2%	Link
TCB	Ngân hàng	21.8	-0.20%	1.2	6,145	10.8	3,047	7.2	-	21.1%	Link
MBB	Ngân hàng	24.2	0.80%	1.0	5,137	15.9	4,018	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.6	0.00%	1.2	2,231	7.6	4,340	6.8	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	33.2	1.70%	1.3	7,117	14.3	3,782	8.8	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	0.20%	0.7	4,297	5.2	3,676	6.6	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	32.6	0.80%	1.3	1,967	18.0	1,882	17.4		41.4%	Link
IDC	Xây dựng	61.8	0.20%	1.1	814	3.4	5,573	11.1	65,700	24.5%	Link
HPG	Xây dựng	25.8	-0.20%	1.2	6,588	21.1	1,746	14.8	41,500	23.9%	Link
HSG	VLXD	20.8	1.00%	1.7	513	10.8	1,844	11.3	25,300	17.9%	Link
VHM	BĐS	39.4	2.10%	0.9	6,849	27.6	5,326	7.4	108,300	14.5%	Link
KDH	BĐS	37.8	1.80%	1.3	1,370	6.1	765	49.3	44,500	32.0%	Link
NLG	BĐS	40.6	2.30%	1.3	624	4.1	1,102	36.8	-	49.1%	Link
DGC	Hóa chất	112.0	1.00%	1.5	1,698	8.3	7,898	14.2	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	37.8	0.30%	1.3	800	7.2	2,798	13.5	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	84.5	0.00%	0.6	7,748	9.8	4,760	17.8	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	40.3	0.00%	1.0	769	3.5	1,932	20.9	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	27.6	0.90%	1.3	614	4.9	1,150	24.0	38,400	15.7%	Link
POW	Dầu khí	13.5	0.00%	0.7	1,262	4.9	467	28.9	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	72.2	-0.30%	1.2	647	1.0	3,216	22.4	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	82.8	0.00%	0.9	1,026	2.8	3,966	20.9	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	75.6	-0.50%	0.6	6,307	12.6	4,633	16.3	93,100	51.6%	Link
MSN	Bán lẻ	77.6	-0.30%	1.2	4,687	17.8	466	166.4	110,000	26.2%	Link
MWG	Bán lẻ	69.5	0.70%	1.3	4,056	22.6	1,507	46.1	-	47.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	108.0	3.00%	0.9	1,442	14.1	6,133	17.6	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	61.0	0.50%	1.7	407	2.7	2,237	27.3	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	131.5	0.80%	1.2	7,667	19.6	4,889	26.9	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	128.1	0.50%	1.4	585	2.0	4,590	27.9	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	26.8	-0.70%	0.9	3,116	5.3	4,137	6.5	1.6	19.4%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.4	-0.50%	1.1	2,167	3.4	3,048	7.0	1.4	5.0%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.6	0.30%	1.3	1,542	6.2	2,154	8.1	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.8	0.00%	1.1	1,182	3.2	2,366	6.3	0.9	29.5%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.0	-0.30%	0.9	1,324	3.9	1,273	15.0	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.4	0.90%	1.7	770	12.9	1,397	19.6	1.8	45.2%	8.3%
VCI	Chứng khoán	46.5	0.50%	1.7	820	8.6	1,763	26.4	2.3	20.1%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.6	4.00%	1.5	945	13.8	1,591	9.8	1.4	0.0%	13.1%
BSI	Chứng khoán	49.8	-0.10%	1.8	444	2.7	2,165	23.0	2.1	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	16.1	1.30%	1.7	523	6.0	1,338	12.0	1.2	8.8%	5.7%
CTD	Xây dựng	65.4	1.90%	1.3	261	2.3	2,996	21.8	0.8	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.0	3.00%	1.5	208	3.1	860	14.0	0.6	7.4%	4.2%
LCG	Xây dựng	10.8	1.40%	1.6	84	1.3	771	14.1	0.8	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	38.4	1.30%	1.2	276	2.7	1,549	24.8	2.3	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	75.0	0.30%	1.4	626	1.1	5,925	12.7	3.5	2.0%	26.9%
PHR	BĐS KCN	57.4	0.00%	1.0	310	0.2	3,028	19.0	2.0	18.5%	18.3%
DIG	BĐS	25.0	5.70%	1.7	610	26.1	152	165.1	2.0	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	16.8	8.40%	1.9	362	10.1	313	53.6	1.4	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	27.2	2.10%	1.5	832	4.0	295	92.2	1.1	20.5%	11.7%
VGC	BĐS KCN	45.0	1.10%	1.2	805	3.1	1,776	25.3	2.5	4.8%	12.5%
GVR	BĐS KCN	35.1	1.00%	1.6	5,605	4.4	704	49.9	2.7	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	21.4	1.40%	1.7	225	5.5	1,580	13.6	1.0	13.3%	2.3%
BMP	Vật liệu	102.6	0.90%	1.2	335	0.8	11,420	9.0	3.2	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.6	1.40%	1.5	220	2.1	683	21.4	1.1	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	15.6	6.80%	1.5	449	14.3	249	62.7	1.1	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	18.8	2.50%	1.2	1,701	10.4	1,975	9.5	1.1	22.2%	12.4%
PDR	Bất động sản	20.4	6.80%	1.7	713	14.0	557	36.7	1.6	6.3%	7.2%
DIG	Bất động sản	25.0	5.70%	1.7	610	26.1	152	165.1	2.0	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.3	-1.10%	1.2	616	1.4	64	269.8	1.8	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.5	1.10%	1.3	-	0.3	507	18.7	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	39.0	0.60%	1.8	172	3.9	4,748	8.2	1.1	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.4	-0.10%	1.2	124	0.1	3,067	12.5	1.7	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	34.0	0.40%	0.8	162	0.7	2,509	13.6	2.2	11.9%	13.2%
PC1	Điện	29.4	-0.50%	1.3	366	2.2	892	33.0	1.7	13.9%	4.1%
HDG	BĐS	28.8	2.70%	1.4	387	9.4	1,989	14.5	1.6	15.6%	12.9%
GEX	Điện	21.8	1.60%	1.7	743	6.4	1,245	17.5	1.4	8.3%	4.1%
QTP	Điện	14.8	0.00%	0.6	-	0.2	1,357	10.9	1.2	1.2%	10.8%
PLX	O&G	49.4	-1.90%	0.9	2,508	5.0	2,874	17.2	2.5	18.2%	10.7%
BSR	O&G	24.1	0.00%	1.1	-	11.4	2,403	10.0	1.3	0.7%	15.6%
PLC	O&G	26.5	-0.40%	1.5	86	0.2	728	36.4	1.7	0.5%	8.4%
ANV	Thủy sản	33.0	1.40%	1.4	175	1.5	262	125.8	1.5	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	65.8	0.00%	0.8	176	0.2	4,903	13.4	1.6	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	19.2	0.00%	1.4	204	6.1	713	26.9	1.2	2.8%	6.2%
HAH	Logistics	42.0	0.10%	1.3	203	6.0	2,800	15.0	1.8	7.8%	12.1%
VTP	Logistics	77.2	-0.40%	1.6	375	1.3	2,943	26.2	5.9	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	28.4	0.00%	1.7	366	5.5	979	29.1	1.4	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	176.0	1.10%	0.7	957	3.4	(414)	-424.7	14.4	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.2	0.40%	0.6	-	0.7	6,678	7.2	1.9	12.5%	27.3%
TNG	Dệt may	28.0	0.40%	1.2	137	3.4	2,240	12.5	1.8	16.3%	12.5%
PVT	O&G	29.1	0.70%	1.0	414	2.1	2,802	10.4	1.5	13.2%	14.3%
DPM	Phân bón	38.2	0.00%	1.3	597	13.0	1,703	22.4	1.3	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	69.9	-0.60%	1.1	1,314	2.1	3,804	18.4	1.9	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669
Đối với Phân tích Nghiên cứu	Đối với Khách hàng tổ chức	Đối với Khách hàng cá nhân
Phòng Phân tích Nghiên cứu hn.ptnc@bsc.com.vn (+84) 39352722 - Ext 108	Phòng TVĐT và môi giới KHTC hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn (+84)2439264659	Trung tâm tư vấn i-Center i-center@bsc.com.vn (+84)2437173639